

## BẢNG CĂN BẬC HAI

### 1. Lý thuyết

Bảng căn bậc hai được chia thành các hàng và các cột. Ta quy ước gọi tên của các hàng (cột) theo số được ghi ở cột đầu tiên (hàng đầu tiên) của mỗi trang. Căn bậc hai của các số được viết bởi không quá ba chữ số từ 1,00 đến 99,9 được ghi sẵn trong bảng ở các cột 0 đến cột 9. Tiếp đó là chín cột hiệu chỉnh được dùng để hiệu chỉnh chữ số cuối của căn bậc hai của các số được viết bởi bốn số từ 1,000 đến 99,99.

N	0	1		8	9	1	2		8	9
9,0	3,000	3,002		3,013	3,015	0	0		1	1
9,1	3,017	3,018		3,030	3,032	0	0		1	1
9,2										
9,3										
16,	4,000	4,012		4,099	4,111	1	2		10	11
37,										
38,										
39,	6,245	6,253		6,309	6,317	1	2		6	7
N	0	1		8	9	1	2		8	9

### 2. Bài tập minh họa

#### 2.1. Dạng 1: Tìm căn bậc hai của số lớn hơn 1 và nhỏ hơn 100

Tìm  $\sqrt{1,68}$

Hướng dẫn giải:

Tại giao của hàng 1,6 và cột 8, ta thấy số 1,296. Vậy  $\sqrt{1,68} \approx 1,296$

#### 2.2. Dạng 2: Tìm căn bậc hai của số lớn hơn 100

Tìm  $\sqrt{1,68}$

Hướng dẫn giải:

Ta biết  $1680 = 16,8 \cdot 100$

Do đó  $\sqrt{1680} = \sqrt{1,68} \cdot \sqrt{100} = 10 \cdot \sqrt{1,68} \approx 10,4,099 = 40,99$

#### 2.3 Dạng 3: Tìm căn bậc hai của số không âm bé hơn 1

Tìm  $\sqrt{0,00168}$

Hướng dẫn giải:

Ta biết  $0,00168 = 16,8 : 10000$

Do đó  $\sqrt{0,00168} = \sqrt{16,8} : \sqrt{10000} \approx 4,099 : 100 = 0,04099$

### 3. Luyện tập

#### 3.1. Bài tập tự luận

